

Mobil DTE™ Oil Named Series

Dầu tuần hoàn kháng oxy hóa và chống gỉ



Tính năng sản phẩm

Mobil DTE™ Oil Named Series là dầu tuần hoàn chống gỉ và kháng oxy hóa đạt hiệu suất cao. Sản phẩm được pha chế để dùng trong nhiều thiết bị khác nhau có sử dụng dầu bôi trơn tuần hoàn như các hệ thống tuabin hơi, tuabin nước và một số hệ thống tuabin khí. Dầu nhờn này được pha chế với dầu gốc được tinh luyện cao và hệ thống phụ gia giúp cung cấp:

- Độ bền nhiệt và bền hóa học mức độ cao
- Tách nước nhanh chóng
- Kháng nhũ tương cao

Dầu nhờn cung cấp
đặc tính **kháng
nước biển** tuyệt vời.



Lợi ích tiềm năng

Mobil DTE Oil Named Series giúp cung cấp:

- 1 Tăng tuổi thọ dầu nhờn trong hệ thống tuần hoàn và giảm chi phí thay dầu
- 2 Giảm thời gian dừng máy ngoài kế hoạch và giảm chi phí bảo dưỡng
- 3 Nâng cao hiệu suất hoạt động

Công thức pha chế cân bằng

Dầu nhờn Mobil DTE Oil Named Series (Mobil DTE™ Oil Light, Mobil DTE™ Oil Medium, Mobil DTE™ Oil Heavy Medium, Mobil DTE™ Oil Heavy) có chỉ số độ nhớt cao, đảm bảo sự thay đổi độ dày lớp màng bôi trơn theo nhiệt độ ở mức tối thiểu và rất ít mất năng lượng trong giai đoạn khởi động. Những loại dầu này có đặc tính thoát khí tuyệt vời, điều này cho phép tách khí thâm nhập, tránh sự tạo bọt và không ổn định khi bơm.

Các ứng dụng	
Tuabin hơi	✓
Máy nén khí roto	✓
Máy nén khí tự nhiên kiểu piston	✓
Thiết bị phụ trợ	✓
Tuabin hơi hàng hải, tuabin nước và một số hệ thống tuần hoàn tuabin khí	✓
Bôi trơn tuần hoàn các ổ trượt, ổ lăn và các hộp số truyền động song song	✓
Bơm thủy lực trung áp	✓
Máy nén và bơm chân không, dùng để nén hoặc bơm không khí, khí tự nhiên, khí trơ và với nhiệt độ khí xả không vượt quá 150°C	✓

Mobil DTE™ Oil Named Series

Thông số kỹ thuật và Sự chấp thuận

Mobil DTE™ Oil Named Series đáp ứng hoặc vượt quá các yêu cầu của:	Mobil DTE™ Light	Mobil DTE™ Medium	Mobil DTE Heavy™ Medium	Mobil DTE™ Heavy
DIN 51515-1: 2010-02	X	X	X	X
DIN 51517-2: 2009-06	X	X	X	X
GE GEK 46506D	X			
GE GEK 27070	X			
GE GEK 28143A	X	X		
JIS K-2213 Type 2 w/Additives (1983)	X	X	X	



Đặc tính tiêu biểu*

Mobil DTE Oil Named Series	Mobil DTE Light	Mobil DTE Medium	Mobil DTE Heavy Medium	Mobil DTE Heavy
Cấp độ nhớt ISO	32	46	68	100
Độ nhớt, ASTM D 445				
cSt @ 40°C	31	44.5	65.1	95.1
cSt @ 100°C	5.5	6.9	8.7	10.9
Chỉ số độ nhớt, ASTM D 2270	102	98	95	92
Điểm đông đặc, °C, ASTM D 97	-18	-15	-15	-15
Điểm chớp cháy, °C, ASTM D 92	218	221	223	237
Tỷ trọng ở 15°C kg/l, ASTM D 4052	0.85	0.86	0.87	0.88
TOST, ASTM D 943, Hours to 2 NN	5000	3700	4500	4500
Khả năng chống gỉ, ASTM D 665:				
Nước cất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Nước biển	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Tính tách nước, ASTM D 1401, Số phút để đạt 3 ml ở 54°C	15	15	20	30
Ăn mòn lá đồng, ASTM D 130, 3 giờ ở 121°C	1B	1B	1B	1B
Kiểm tra tạo bọt, ASTM D 892, Dây I Khuynh hướng/ổn định, ml/ml	20/0	50/0	50/0	50/0

* Đặc tính tiêu biểu là những đặc tính tiêu biểu hiện hành với sai số cho phép sản xuất thông thường và có thể thay đổi. Sự thay đổi đó không làm ảnh hưởng đến tính năng sản phẩm được mong đợi trong quá trình sản xuất thông thường và ở những nơi sản xuất khác nhau. Các thông tin sản phẩm này có thể thay đổi mà không thông báo. Tất cả các sản phẩm có thể không có sẵn ở địa phương. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với ExxonMobil tại địa phương hoặc truy cập vào exxonmobil.com. ExxonMobil có nhiều chi nhánh và công ty con, với những tên gọi như Esso, Mobil hoặc ExxonMobil. Không có gì trong tài liệu này có thể vượt quá hoặc thay thế các đơn vị riêng biệt của tập đoàn ở địa phương. Chịu trách nhiệm đối với hoạt động địa phương và trách nhiệm giải trình sai sót với đơn vị trực thuộc ExxonMobil tại địa phương.